

Phụ lục VI
Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 01 nội dung báo cáo:

**Báo cáo kết quả thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn
và làng nghề trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm
2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Báo cáo kết quả thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và làng
nghề trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Đề cương và biểu mẫu báo cáo sau:**

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO:

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo kết quả thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và làng
nghề trên địa bàn**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thi hành các chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách; quy hoạch, kế hoạch để triển khai thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn và bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề (*chi tiết theo phụ biểu 1*).
3. Công tác quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn, làng nghề ở địa phương: Thanh tra, kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN VÀ CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ

- 1. Thực trạng phát triển ngành nghề nông thôn** (*chi tiết theo phụ biểu 2*).
 - Số lượng, cơ cấu nhóm ngành nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP;
 - Tổng số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh (*doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, Hộ gia đình*) tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn
 - Tình hình sản xuất kinh doanh: Giá trị sản xuất, kim ngạch xuất khẩu, thu nhập bình quân/lao động/tháng.
 - Tổng số lao động, số lao động thường xuyên...
- 2. Thực trạng phát triển làng nghề** (*chi tiết theo phụ biểu 3*).
 - Số lượng; cơ cấu làng nghề, làng nghề truyền thống;

- Số cơ sở sản xuất kinh doanh theo các hình thức tổ chức: Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ gia đình;
- Tổng số lao động, số lao động thường xuyên, số nghệ nhân được công nhận;
- Tình hình sản xuất kinh doanh: Giá trị sản xuất, thu nhập bình quân/lao động/tháng;
- Số làng nghề đã sản xuất theo chuỗi giá trị;
- Số làng nghề có sản phẩm OCOP (đã được chứng nhận theo phân loại sao OCOP);
- Đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu làng nghề;
- Địa điểm hoạt động (cụm công nghiệp hay trong khu dân cư);
- Hạ tầng làng nghề (phân loại chất lượng);
- Trang thiết bị, công nghệ (tỷ lệ % áp dụng công nghệ hay thủ công);
- Thực trạng môi trường làng nghề...

3. Thực trạng công tác bảo tồn nghề, làng nghề (*chi tiết theo phụ biểu 4, 5*).

Đánh giá các hoạt động đã thực hiện để bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề theo các nội dung:

- Kết quả lập danh mục, công nhận nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống cần được bảo tồn lâu dài;
- Khôi phục, bảo tồn các nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống từ lâu đời đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền.
- Phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới: việc xây dựng các tuyến, điểm du lịch gắn với làng nghề, cải thiện cơ sở hạ tầng kết hợp bảo vệ môi trường du lịch sinh thái.
- Phát triển làng nghề mới, mỗi làng nghề, mỗi xã một sản phẩm gắn với chương trình OCOP.
- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề: xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm làng nghề; tiêu thụ sản phẩm.
- Đầu tư phát triển sản phẩm mới, công nghệ sản xuất; cơ sở hạ tầng, mặt bằng sản xuất cho làng nghề. Đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.
- Vai trò của các Hội, hiệp hội trong bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.
- Kết quả thực hiện vốn đầu tư hỗ trợ: Tổng kinh phí, nguồn vốn, kết quả thực hiện.

4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế.

- Nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Phương hướng phát triển.
- Danh mục các nghề, làng nghề cần bảo tồn và phát triển trong những năm tiếp theo (*chi tiết theo phụ biểu 6*);
- Nhiệm vụ để bảo tồn, phát triển các nghề, làng nghề truyền thống;
- Nhiệm vụ để bảo tồn, phát triển các nghề, làng có nghề lâu đời có nguy cơ mai một, thất truyền (*các nghề, làng nghề có tính chất đặc thù, không đáp ứng được tiêu chí nghề, làng nghề truyền thống*);
- Nhiệm vụ để phát triển làng nghề gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới;
- Nhiệm vụ để phát triển các nghề, làng nghề mới;
- Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên; vốn và nguồn vốn đầu tư trong những năm tiếp theo (*chi tiết theo phụ biểu 7*).

2. Các giải pháp chủ yếu

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-
-
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO:

Phụ biểu 1

**CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN DO ĐỊA PHƯƠNG
BAN HÀNH**

STT	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tên các chính sách				
		Quy hoạch	Chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	Chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển làng nghề	Chính sách về Bảo tồn và phát triển làng nghề	Chính sách về phòng chống ô nhiễm môi trường làng nghề
1						
2						
3						
4						
5						
....						

Phụ biểu 2
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SXKD NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN
TRÊN ĐỊA BÀNNĂM

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ /tháng)	Tổng số lao động thuộc ngành nghề nông thôn (người)			Tổng số cơ sở SXKD ngành nghề nông thôn			
				Tổng số lao động	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
					Lao động thường xuyên	Chuyên gia có tay nghề cao				
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản									
2	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ									
3	Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn									
4	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ									
5	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh									
6	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn									

Phụ biểu 3

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC CƠ SỞ SXKD TRONG LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀNNĂM

TT	Nhóm ngành nghề	Doanh thu (tỷ đồng)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/lđ /tháng)	Tổng số lao động trong làng nghề (người)			Tổng số cơ sở SXKD trong làng nghề			
				Tổng số lao động trong làng nghề	Trong đó		Doanh nghiệp	HTX	Tổ hợp tác	Hộ
					Lao động thường xuyên	Nghệ nhân đã được công nhận				
1	Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản									
2	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ									
3	Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn									
4	Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ									
5	Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh									
6	Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn									

Phụ biểu 4
DANH MỤC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, NGHỀ TRUYỀN THỐNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀNNĂM.....

TT	Làng nghề/ làng nghề truyền thống/ Nghề truyền thống	Địa chỉ (xã, huyện)	Năm công nhận	Nhóm ngành nghề	Thông tin Làng nghề/ Làng nghề TT/ Nghề TT					Tình trạng Làng nghề/ Làng nghề TT/ Nghề TT			
					Có hệ thống xử lý môi trường	Làng nghề trong cụm CN	Làng nghề có sản phẩm đăng ký thương hiệu	Làng nghề có sản phẩm OCOP đạt sao	Làng nghề gắn với du lịch	Hoạt động tốt	Hoạt động kém, cần chuyển đổi nghề	Hoạt động cầm chừng	Nguy cơ mai một
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Làng nghề												
1													
2													
...													
II	Làng nghề truyền thống												
1													
2													
...													
III	Nghề truyền thống												
1													
2													
...													

Phụ biểu 5
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀNNĂM

TT	Nội dung	ĐVT	Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)				Khối lượng	Vốn đầu tư (tỷ đồng)			
				Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác		Tổng số	NSTW	NSĐP	Nguồn khác
	TỔNG SỐ											
1	Lập quy hoạch											
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng											
3	Đào tạo, tập huấn	lớp										
		lượt người										
4	Khoa học công nghệ, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề											
5	Xây dựng mô hình/ dự án	mô hình/DA										
6	Xúc tiến thương mại											
7	Nội dung khác (Nêu cụ thể từng nội dung thực hiện)											

Phụ biểu 6

DANH MỤC CÁC NGHỀ, LÀNG NGHỀ CẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI

TT	Tên nghề/ làng nghề/ nghề truyền thống	Địa chỉ (xã, huyện, tỉnh)	Nghề/ Làng nghề/ Làng nghề TT đã được công nhận hay chưa?			Lý do bảo tồn
			Chưa	Có	Năm công nhận	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)
I	Làng nghề					
1						
2						
...						
II	Làng nghề truyền thống					
1						
2						
...						
III	Nghề truyền thống					
1						
2						
...						

Phụ biểu 7

**ĐỀ XUẤT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ
CỦA NĂM**

TT	Tên danh mục dự án	Địa điểm (xã, huyện, tỉnh)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)			Đơn vị chủ trì
				NSTW	NSDP	Vốn khác	
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	
	TỔNG SỐ						
I	Làng nghề						
1							
2							
...							
II	Làng nghề truyền thống						
1							
2							
...							
III	Nghề truyền thống						
1							
2							
...							